BAKER TILLY
A&C

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

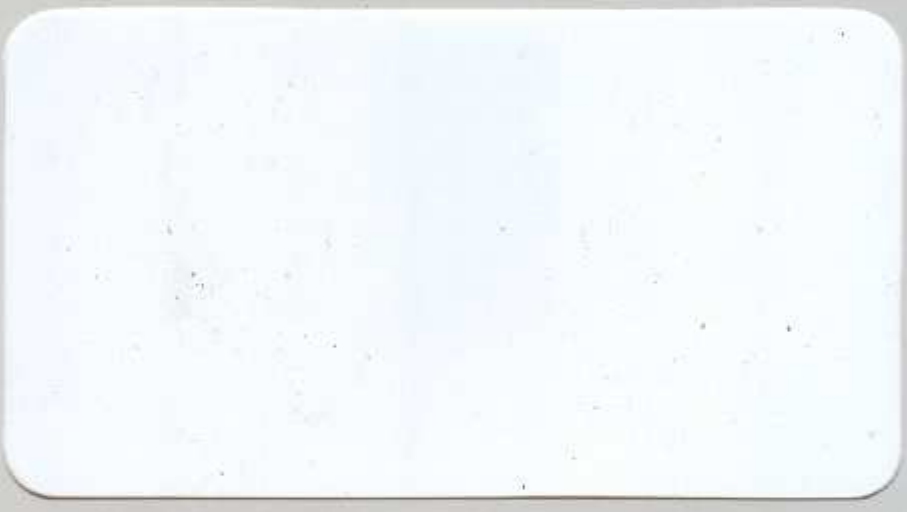

an independent member of
BAKER TILLY
INTERNATIONAL

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3.	Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4.	Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	7 - 10
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2010	11
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2010	12 - 13
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010	14 - 31

****

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (công ty mẹ) và công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309532497 ngày 04 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 16 tháng 7 năm 2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: ***100.000.000.000 VND, trong đó***

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	51.000.000.000	51%
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	5.000.000.000	5%
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng Sóng Thần	3.000.000.000	3%
Các cổ đông khác	41.000.000.000	41%
Cộng	**100.000.000.000**	**100%**

Trụ sở chính:

Địa chỉ : Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ liên lạc : Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : 08 38 422 181 hoặc 08 38 991 314
Fax : 08 37 422 041 hoặc 08 38 994 031
E-mail : tancangkhovan@saigonnewport.com.vn
Mã số thuế : 0 3 0 9 5 3 2 4 9 7

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa. Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật). Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh. Dịch vụ đại lý tàu biển./.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Số 0310151760 ngày 13 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp	56,04%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 31).

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Bùi Quang Huy	Chủ tịch	21 tháng 01 năm 2010	
Ông Đỗ Gia Kim	Ủy viên	21 tháng 01 năm 2010	
Ông Trần Hoài Nam	Ủy viên	21 tháng 01 năm 2010	20 tháng 08 năm 2010
Ông Nguyễn Năng Toàn	Ủy viên	21 tháng 01 năm 2010	
Ông Lê Tuấn Dũng	Ủy viên	21 tháng 01 năm 2010	
Ông Nguyễn Hữu Đức	Ủy viên	20 tháng 08 năm 2010	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Mai Thị Trâm	Trưởng ban	21 tháng 01 năm 2010
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Ủy viên	21 tháng 01 năm 2010
Ông Phạm Mạnh Nhân	Ủy viên	21 tháng 01 năm 2010

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Bùi Quang Huy	Giám đốc	10 tháng 12 năm 2009	
Ông Nguyễn Văn Thế	Phó Giám đốc	10 tháng 12 năm 2009	17 tháng 05 năm 2010
Ông Lê Hữu Trường	Phó Giám đốc	08 tháng 12 năm 2009	
Ông Lê Tuấn Dũng	Phó Giám đốc	08 tháng 12 năm 2009	
Bà Nguyễn Thị Hưng	Phó Giám đốc	08 tháng 12 năm 2009	15 tháng 10 năm 2010
Ông Nguyễn Phương Nam	Phó Giám đốc	15 tháng 09 năm 2010	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Bùi Quang Huy

Ngày 11 tháng 05 năm 2011

BAKER TILLY
A&C
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 231/2011/BCTC-KTTV-KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và công ty con (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 11 tháng 05 năm 2011, từ trang 07 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Các vấn đề lưu ý

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất đến thuyết minh số V.21 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về việc năm 2010 Công ty xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (xem thuyết minh số IV.13). Theo đó, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ là 856.221.188 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào chi phí.

Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái được sử dụng để hợp nhất là Báo cáo chưa được kiểm toán.

Giám đốc

CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TẠI HÀ NỘI

Nguyễn Hoàng Đức
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

Kiểm toán viên

Hoàng Thị Viết
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0374/KTV

Hà Nội, ngày 11 tháng 05 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**176.141.522.064**	-
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**116.488.742.448**	-
1. Tiền	111		5.963.569.277	-
2. Các khoản tương đương tiền	112		110.525.173.171	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**53.554.099.332**	-
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	28.374.765.137	-
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	24.794.215.587	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	385.118.608	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**1.340.699.620**	-
1. Hàng tồn kho	141	V.5	1.340.699.620	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**4.757.980.664**	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	72.868.827	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		481.355.517	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	4.203.756.320	-

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**67.051.038.767**	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**64.477.506.073**	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	64.226.393.377	-
Nguyên giá	*222*		*71.983.981.728*	-
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(7.757.588.351)*	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	*225*		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	76.995.830	-
Nguyên giá	*228*		*92.395.000*	-
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(15.399.170)*	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	174.116.866	-
III. Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.573.532.694**	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.581.847.830	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	991.684.864	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	**269**		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**243.192.560.831**	-

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**113.833.196.463**	-
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**66.415.910.055**	-
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	4.101.920.712	-
2.	Phải trả người bán	312	V.14	32.151.969.065	-
3.	Người mua trả tiền trước	313		-	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	3.703.334.820	-
5.	Phải trả người lao động	315		17.515.056.225	-
6.	Chi phí phải trả	316	V.16	4.175.368.624	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	1.827.537.570	-
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	2.940.723.039	-
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**47.417.286.408**	-
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.19	47.417.286.408	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B -	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**127.359.337.320**	-
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**V.20**	**127.359.337.320**	-
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(856.221.188)	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		3.157.276.615	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.578.638.307	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		23.479.643.586	-
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C -	**LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**	**439**	**V.21**	**2.000.027.048**	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**243.192.560.831**	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại:			
	Dollar Mỹ (USD)		457,03	-
	Euro (EUR)		40.673,46	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 11 tháng 05 năm 2011

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Hồng Liên	Võ Thị Xuân Lan	Bùi Quang Huy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	01	VI.1	252.050.359.314	-
2.	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	02		266.700.401	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	10		251.783.658.913	-
4.	**Giá vốn hàng bán**	11	VI.2	190.568.178.361	-
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	20		61.215.480.552	-
6.	**Doanh thu hoạt động tài chính**	21	VI.3	6.209.271.737	-
7.	**Chi phí tài chính**	22	VI.4	1.513.960.978	-
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		200.680.432	-
8.	**Chi phí bán hàng**	24	VI.5	227.517.749	-
9.	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	25	VI.6	14.181.270.123	-
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	30		51.502.003.439	-
11.	**Thu nhập khác**	31	VI.7	3.568.851.500	-
12.	**Chi phí khác**	32	VI.8	13.267.902.092	-
13.	**Lợi nhuận khác**	40		(9.699.050.592)	-
14.	**Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh**	45		-	-
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	50		41.802.952.847	-
16.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	51		11.221.775.541	-
17.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**	52	VI.9	(991.684.864)	-
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	60		31.572.862.170	-
18.1.	*Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số*	*61*		*27.048*	-
18.2.	*Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ*	*62*		*31.572.835.122*	-
19.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	70	VI.10	3.381	-

Lập ngày 11 tháng 05 năm 2011

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Hồng Liên	Võ Thị Xuân Lan	Bùi Quang Huy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***41.802.952.847***	
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		8.933.297.242	-
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.107.596.592)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		4.772.076.366	-
- Chi phí lãi vay	06		200.680.432	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***54.601.410.295***	-
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(40.073.774.862)	-
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.340.699.620)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		55.589.810.397	-
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(373.180.229)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(4.651.265)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7.774.348.801)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		15.581.251.571	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(19.948.058.858)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***56.257.758.628***	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(55.909.110.085)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.409.482.413	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.908.633.859	-
8. Vốn góp của cổ đông thiểu số trong các công ty con			2.000.000.000	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(45.590.993.813)***	-

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		53.903.392.470	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		52.749.870.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***106.653.262.470***	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**117.320.027.285**	-
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(831.284.837)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**116.488.742.448**	-

Lập ngày 11 tháng 05 năm 2011

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Hồng Liên	Võ Thị Xuân Lan	Bùi Quang Huy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2010

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (công ty mẹ) và công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ : Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh :
Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa. Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật). Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh. Dịch vụ đại lý tàu biển./.

4. Tổng số các công ty con : 01
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	71,83%	56,04%

6. Nhân viên
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 324 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng năm tài chính 2010 bắt đầu từ ngày 04 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm tài chính đầu tiên của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 13
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 9

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010: 18.932 VND/USD
24.884 VND/EUR

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	208.449.855	-
Tiền gửi ngân hàng	5.755.119.422	-
Các khoản tương đương tiền	110.525.173.171	-
- *Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống*	*110.525.173.171*	-
Cộng	**116.488.742.448**	-

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	21.494.610.578	-
Công ty TNHH Dịch vụ Vận Tải Tân Vĩnh Thịnh	763.228.828	-
Công ty TNHH Giao nhận vận chuyển Siêu Sao Toàn Cầu	654.680.231	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại dịch vụ Thiên Hoàng Vũ	589.000.000	-
Công ty TNHH Asian Groupage Ser Vicers Việt Nam	557.863.116	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Tiếp vận Quốc tế	437.905.808	-
Công ty TNHH Thương mại Phú Khang	327.813.224	-
Công ty Cổ Phần Thái Minh	324.203.938	-
Công ty TNHH Maxpeed Phương Nam Việt Nam	265.123.862	-
King Freight INTL Vietnam Co,.Ltd	244.766.720	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận chuyển Quốc tế & Thương mại Vinh Vân Minh Vân	240.651.969	-
Công ty TNHH Liên Cầu Việt Nam	227.361.372	-
Vinalink	223.310.162	-
Công ty Cổ phần Giao nhận toàn cầu DHL (VN)	180.736.534	-
Công ty TNHH Giao nhận hàng hải Cát Tường	178.527.781	-
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế ITI	136.484.327	-
Công ty TNHH APM Saigon Shipping	114.883.786	-
Các đối tượng khác	1.413.612.901	-
Cộng	**28.374.765.137**	-

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Liên danh Unico - Cargotec	14.065.755.587	-
Công ty Cổ phần Xây dựng T.C.O.N.S	10.500.000.000	-
Công ty TNHH Ô tô Lee	150.000.000	
HTX Vận tải Cơ giới Xếp dỡ Đại Thành	56.400.000	
CN Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại HN	22.000.000	-
Trung tâm Đăng ký Giao dịch tài sản TP Đà Nẵng	60.000	-
Cộng	**24.794.215.587**	-

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu BHXH, BHYT	6.517.868	-
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Khoản hoa hồng chi hộ	36.450.000	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu đến 31/12/2010	322.000.000	-
Các khoản phải thu khác	20.150.740	-
Cộng	**385.118.608**	**-**

5. Hàng tồn kho

Là chi phí dở dang để thực hiện các dịch vụ chưa hoàn thành trong tháng 12 năm 2010

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	104.075.600	-
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.099.680.720	-
Cộng	**4.203.756.320**	**-**

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Tăng do mua sắm mới	91.000.000	20.049.380.855	20.755.879.945	535.861.276	41.432.122.076
Tăng do nhận vốn góp từ công ty mẹ	40.053.790.949	3.017.140.500	1.706.176.562	25.254.000	44.802.362.011
Giảm trong năm do thanh lý, nhượng bán	(14.226.512.359)	-	-	(23.990.000)	(14.250.502.359)
Số cuối năm	**25.918.278.590**	**23.066.521.355**	**22.462.056.507**	**537.125.276**	**71.983.981.728**
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Tăng do khấu hao	4.941.738.275	2.065.197.612	1.832.274.981	78.687.204	8.917.898.072
Giảm trong năm do thanh lý	(1.156.711.224)	-	-	(3.598.497)	(1.160.309.721)
Số cuối năm	**3.785.027.051**	**2.065.197.612**	**1.832.274.981**	**75.088.707**	**7.757.588.351**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	**22.133.251.539**	**21.001.323.743**	**20.629.781.526**	**462.036.569**	**64.226.393.377**

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Tăng trong năm	92.395.000	15.399.170	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	**92.395.000**	**15.399.170**	**76.995.830**

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí dự án xây dựng Công trình kho 18 tại Cảng Cát Lái

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	-	-
Phát sinh tăng	174.116.866	-
Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	-	-
Số cuối năm	**174.116.866**	**-**

11. Chi phí trả trước dài hạn

Là công cụ dụng cụ chờ phân bổ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Phát sinh tăng	2.188.565.072	-
Kết chuyển vào chi phí SXKD	(606.717.242)	-
Số cuối năm	**1.581.847.830**	**-**

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Số phát sinh	991.684.864	-
Số hoàn nhập	-	-
Số cuối năm	**991.684.864**	**-**

13. Vay và nợ ngắn hạn

Là khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Natixis trong năm 2011

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Số tiền vay phát sinh	-	-
Kết chuyển từ vay dài hạn	4.224.987.000	-
Giảm khác do chênh lệch tỷ giá cuối năm	(123.066.288)	
Số tiền vay đã trả	-	-
Số cuối năm	**4.101.920.712**	**-**

14. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	24.310.147.638	-
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	2.690.956.877	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng V.F (Asaco)	1.601.683.600	-
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình	1.404.114.250	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	990.057.595	-
Công ty TNHH Container Sài Gòn	473.734.840	-
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	238.449.750	-
Chi nhánh hợp tác xã Xí nghiệp 2/9	131.622.100	-
Các đối tượng khác	311.202.415	-
Cộng	**32.151.969.065**	-

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	8.446.090.696	8.446.090.696	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4.438.046.155	4.438.046.155	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	11.221.775.541	7.774.348.801	3.447.426.740
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.188.198.351	932.290.271	255.908.080
Các loại thuế khác	-	39.911.974	39.911.974	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	98.092.635	98.092.635	-
Cộng	**-**	**25.432.115.352**	**21.728.780.532**	**3.703.334.820**

Thuế giá trị gia tăng
Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp
Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.802.952.847	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	3.084.149.315	-
- *Các khoản điều chỉnh tăng*		
Chi phí không hợp lý hợp lệ	225.006.450	-
Chi phí trích trước chưa có hóa đơn	3.966.739.457	-
- *Các khoản điều chỉnh giảm*		
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	(1.107.596.592)	-
Thu nhập chịu thuế	44.887.102.162	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	44.887.102.162	-

	Năm nay	Năm trước
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	***11.221.775.541***	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	***11.221.775.541***	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**11.221.775.541**	-

Các loại thuế khác
Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

16. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí kiểm toán	40.000.000	-
Trích trước chi phí sửa chữa xe đầu kéo	3.861.000	-
Trích trước thù lao hội đồng quản trị	12.600.000	-
Trích trước chi phí lãi vay dự trả	196.029.167	-
Trích trước chi phí bốc xếp	3.922.878.457	-
Cộng	**4.175.368.624**	-

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.251.480.244	-
Bảo hiểm xã hội	264.175.276	-
Bảo hiểm y tế	27.702.419	-
Bảo hiểm thất nghiệp	729.416	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	140.000.000	-
Quỹ công đoàn cơ sở	49.896.000	-
Phải trả các bộ phận tiền tiết kiệm chi phí đón thẳng Container	38.482.000	-
Tiền ăn trưa	11.154.000	
Phải trả khác	43.918.215	-
Cộng	**1.827.537.570**	-

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác do nhận từ Công ty mẹ	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	-	1.578.638.307	56.000.000	42.300.000	1.592.338.307
Quỹ phúc lợi	-	1.578.638.307	56.508.675	486.762.250	1.148.384.732
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	-	200.000.000	-	-	200.000.000
Cộng	-	**3.357.276.614**	**112.508.675**	**529.062.250**	**2.940.723.039**

19. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Natixis (i)	38.147.949.288	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (ii)	9.269.337.120	-
Cộng	**47.417.286.408**	-

(i) Khoản vay Ngân hàng Natixis theo hợp đồng vay ngày 28 tháng 06 năm 2010 trong thời hạn 5 năm với lãi suất theo mỗi kỳ tính lãi liên quan đến khoản vay để tài trợ 80% giá mua 02 Cẩu Bánh Lốp (cẩu RTG) theo các Hợp đồng tương ứng số 01/KM/UNI/TCW/2010. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ hợp đồng vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh An Phú theo hợp đồng số 303.10.APU/TDH.216/223344.01 ngày 12 tháng 11 năm 2010 trong thời hạn 05 năm với lãi suất tham chiếu để tài trợ dự án đầu tư xây dựng 01 kho CFS tại Cảng Cát Lái. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trên đất và hợp đồng thuê đất cho Ngân hàng.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Ngân hàng Natixis	38.147.949.288	-	38.147.949.288	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	9.269.337.120	-	9.269.337.120	-
Cộng	**47.417.286.408**	-	**47.417.286.408**	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Giảm khác do chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số cuối năm
Ngân hàng Natixis	-	42.249.870.000	4.224.987.000	1.107.596.592	36.917.286.408
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	-	10.500.000.000	-	-	10.500.000.000
Cộng	-	**52.749.870.000**	**4.224.987.000**	**1.107.596.592**	**47.417.286.408**

20. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-	-
Cổ đông góp vốn bằng tiền	53.903.392.470	-	-	-	-	53.903.392.470
Cổ đông góp vốn bằng tài sản cố định	44.815.071.102	-	-	-	-	44.815.071.102
Cổ đông góp vốn bằng công cụ dụng cụ	1.281.536.428	-	-	-	-	1.281.536.428

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	3.157.276.615	1.578.638.307	(8.093.191.536)	(3.357.276.614)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	31.572.835.122	31.572.835.122
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	(856.221.188)	-	-	-	(856.221.188)
Số dư cuối năm nay	**100.000.000.000**	**(856.221.188)**	**3.157.276.615**	**1.578.638.307**	**23.479.643.586**	**127.359.337.320**

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn	51.000.000.000	-
Công ty CP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ	5.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần	3.000.000.000	-
Cổ đông phổ thông khác	41.000.000.000	-
Cộng	**100.000.000.000**	**-**

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- *Cổ phiếu phổ thông*	*10.000.000*	
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- *Cổ phiếu phổ thông*	*10.000.000*	

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái
Là chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản mục tiền tệ.

21. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của cổ đông thiểu số	2.000.000.000	-
Lợi nhuận chưa phân phối	27.048	-
Cộng	**2.000.027.048**	**-**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay
Tổng doanh thu	252.050.359.314
Doanh thu bốc xếp container	*17.874.053.500*
Doanh thu bốc xếp bãi	*133.936.240.388*
Doanh thu bốc xếp kho	*86.160.053.134*
Doanh thu lưu bãi	*3.410.707.475*
Doanh thu thuê kho	*9.370.206.632*
Doanh thu dịch vụ xe tải nhỏ	*525.513.637*
Doanh thu dịch vụ khác	*773.584.548*
Các khoản giảm trừ doanh thu:	266.700.401
Hàng bán bị trả lại	*266.700.401*
Doanh thu thuần	**251.783.658.913**
Trong đó:	
Doanh thu bốc xếp container	*17.874.053.500*
Doanh thu bốc xếp bãi	*133.739.758.685*
Doanh thu bốc xếp kho	*86.117.112.984*
Doanh thu lưu bãi	*3.410.707.475*
Doanh thu thuê kho	*9.342.928.084*
Doanh thu dịch vụ xe tải nhỏ	*525.513.637*
Doanh thu dịch vụ khác	*773.584.548*

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	4.938.468.756
Chi nhân công trực tiếp	56.670.312.995
Chi phí sản xuất chung	130.300.096.230
Tổng chi phí sản xuất	191.908.877.981
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(1.340.699.620)
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	**190.568.178.361**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.908.633.859
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	192.152.796
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.107.596.592
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	888.490
Cộng	**6.209.271.737**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay
Chi phí lãi vay	200.680.432
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.313.280.546
Cộng	**1.513.960.978**

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay
Chi phí nhân viên bán hàng	30.148.781
Chi phí hoa hồng	3.600.000
Chi phí dụng cụ đồ dùng	13.002.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.105.196
Chi phí bằng tiền khác	158.661.272
Cộng	**227.517.749**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay
Chi phí cho nhân viên	8.410.849.092
Chi phí đồ dùng văn phòng	437.119.320
Chi phí khấu hao tài sản cố định	177.514.078
Thuế, phí và lệ phí	57.900.947
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.316.352.586
Chi phí bằng tiền khác	2.781.534.100
Cộng	**14.181.270.123**

7. Thu nhập khác

	Năm nay
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3.454.936.958
Thu bán hồ sơ thầu	36.000.000
Thu nộp phạt tiền nhiên liệu vượt định mức	77.914.542
Cộng	**3.568.851.500**

8. Chi phí khác

	Năm nay
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	13.090.192.638
Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	45.454.545
Thưởng tiền nhiên liệu tiết kiệm so với định mức	74.951.255
Chi phí khác	57.303.654
Cộng	**13.267.902.092**

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.572.862.170
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	31.572.862.170
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.338.555
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**3.381**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 01 tháng 01 năm 2010	4.609.661
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 05 tháng 02 năm 2010	271.233
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 10 tháng 02 năm 2010	3.472.603
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 23 tháng 02 năm 2010	419.139
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 24 tháng 02 năm 2010	131.843
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 01 tháng 03 năm 2010	419.178
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 30 tháng 08 năm 2010	13.679
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 04 tháng 10 năm 2010	1.219
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	**9.338.555**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã nhận góp vốn điều lệ từ Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn bằng các công cụ, dụng cụ, tài sản cố định trị giá 44.815.071.102 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay
Tiền lương	1.385.037.011
BHXH	308.912.500
Phụ cấp	84.000.000
Tiền thưởng	785.650.591
Cộng	**2.563.600.102**

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	**Mối quan hệ**
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng Sóng Thần	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Địa Ốc Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	
Cung cấp dịch vụ bốc xếp cho Công ty mẹ	54.871.252.470
Cung cấp dịch vụ xuất nhập tàu cảng mở cho Công ty mẹ	10.891.640.500
Cung cấp dịch vụ trung chuyển cho Công ty mẹ	5.779.901.000
Cung cấp dịch vụ lưu bãi cho Công ty mẹ	3.009.280.500
Cung cấp dịch vụ nâng hạ cho Công ty mẹ	1.202.512.000
Công ty mẹ thanh toán phí dịch vụ	62.069.299.111
Công ty mẹ cung cấp nhiên liệu cho Công ty	4.399.112.774
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ nâng hạ cho Công ty	6.857.254.000
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ trung chuyển cho Công ty	460.370.000
Công ty mẹ cho Công ty thuê cơ sở hạ tầng	15.000.000.000
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ tư vấn cho Công ty	1.739.652.171
Công ty mẹ cung cấp nước uống	14.050.000
Mua tài sản cố định của Công ty mẹ	1.649.491.090
Bán tài sản cố định cho Công ty mẹ	23.990.000
Thanh toán tiền cho Công ty mẹ	7.835.930.786
Nhận vốn góp từ Công ty mẹ bằng tài sản	46.096.607.530
Nhận vốn góp từ Công ty mẹ bằng tiền	4.903.392.470
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	
Công ty cung cấp dịch vụ hạ hàng	54.889.750
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng cung cấp dịch vụ nâng hạ cho Công ty	25.774.063.443
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng cung cấp nhiên liệu nâng hạ cho Công ty	343.660.581
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng cung cấp dịch vụ trung chuyển cho Công ty	7.816.222.872
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng cung cấp dịch vụ xếp dỡ cho Công ty	11.712.689.887
Công ty thanh toán tiền dịch vụ	47.620.106.332
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng góp vốn vào Công ty bằng tiền	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	
Công ty cung cấp dịch vụ cấp rỗng	14.681.818

	Năm nay
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng cung cấp dịch vụ sửa chữa cho Công ty	172.720.437
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng cung cấp nhân công sửa chữa cho Công ty	320.860.353
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng cung cấp dịch vụ trung chuyển cho Công ty	157.334.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng cung cấp vật tư sửa chữa cho Công ty	1.640.993.080
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng cung cấp dịch vụ vệ sinh container cho Công ty	231.263.014
Công ty thanh toán tiền phí dịch vụ	1.876.911.990
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng Sóng Thần	
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng Sóng Thần cung cấp dịch vụ xếp dỡ cho Công ty	2.234.705.400
Công ty thanh toán phí dịch vụ	2.022.330.640
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng Sóng Thần góp vốn vào Công ty bằng tiền	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Địa Ốc Tân Cảng	
Công ty Cổ phần Địa Ốc Tân Cảng cung cấp dịch vụ xếp dỡ cho Công ty	58.600.000
Công ty thanh toán phí dịch vụ	54.583.100

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Phải thu tiền dịch vụ đã cung cấp	21.494.610.578	-
Tiền hoa hồng chi hộ Tổng Công ty	36.450.000	-
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng		
Phải thu tiền dịch vụ đã cung cấp	37.350.000	-
Cộng nợ phải thu	**21.568.410.578**	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Phải trả tiền dịch vụ đã tiêu dùng	24.310.147.638	
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng		
Phải trả tiền dịch vụ đã tiêu dùng	2.690.956.877	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Phải trả tiền dịch vụ đã tiêu dùng	990.057.595	-

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng Sóng Thần		
Phải trả chi phí bốc xếp trích trước	396.223.000	
Công ty Cổ phần Địa ốc Tân Cảng		
Phải trả tiền dịch vụ đã tiêu dùng	9.876.900	
Cộng nợ phải trả	**28.397.262.010**	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Lập, ngày 11 tháng 05 năm 2011

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Hồng Liên	Võ Thị Xuân Lan	Bùi Quang Huy

- **Head office** : 229 Dong Khoi St., District 1, Ho Chi Minh City — Tel: 08.3827 2295 - Fax: 08.3827 2300 - E-mail: kttv@a-c.com.vn
- **Branch in Ha Noi** : 40 Giang Vo St., Dong Da District, Ha Noi City — Tel: 04.3736 7879 - Fax: 04.3736 7869 - E-mail: kttv.hn@a-c.com.vn
- **Branch in Nha Trang** : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City, Khanh Hoa Province — Tel: 058.387 6555 - Fax: 058.387 5327 - E-mail: kttv.nt@a-c.com.vn
- **Branch in Can Tho** : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City — Tel: 0710.376 4995 - Fax: 0710.376 4996 - E-mail: kttv.ct@a-c.com.vn

www.a-c.com.vn